



CERTIFICATE OF CALIBRATION

Giấy Chứng Nhận Hiệu Chuẩn
Report No. C060520-30549



Manufacturer / NSX: ROTRONIC
Description / Mô tả: Data Logger
Model # / Kiểu: BL-1D
Serial # / Số seri: A18051230



WO # / Mã số: W060320-011
PO # / Mã đơn hàng: PO060320-011
Procedure / Quy trình: Manufacturer's Spec
Asset # / Mã số TS: TB-154

Condition Received In Tolerance
/ Tình trạng khi nhận:

Calibration Place KL Lab
/ Nơi Hiệu Chuẩn:

Recalibration request
/ HC theo yêu cầu

Condition Returned In Tolerance
/ Tình trạng khi giao:

Calibration Date 20/May/2020
/ Ngày Hiệu chuẩn:

Recalibration date
/ Ngày HC khuyến nghị:

Actual Temperature 23 °C
/ Nhiệt độ thực tế:

Actual Humidity 52 %RH
/ Độ ẩm thực tế:

Certified by QC Nguyen Thi Thuy
/ QC lập chứng nhận:

Customer / Công ty: CÔNG TY TNHH ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VIỆT NAM

Address / Địa chỉ: Phòng 406, Tầng 4, Tòa nhà 130 Nguyễn Đức Cảnh, P. Tương Mai, Q. Hoàng Mai, Hà Nội

Standard utilized / Chuẩn sử dụng

Standard # / Chuẩn	Manufacturer / NSX	Model # / Số Model	Due Date / Ngày hết hạn	Traceable to / Chuẩn liên kết
TE0025.2	VAISALA	HMI41	26/Feb/2021	KT3-O281AHL0
TE1604	EBRO	EBI 16	17/Apr/2021	C052020-28990
TH-KE-065	JEIO	TH-KE-065	20/Feb/2021	693

Special Requirement / Yêu cầu đặc biệt:

This certifies that the above instrument was calibrated in compliance with the Calibration System Requirement of ISO/IEC 17025:2005 in accordance with referenced procedures. Standards used to perform this calibration are certified by or traceable to VMI/QT3 natural physical constants, consensus standards or derived by the ratio type calibrations. Expanded uncertainties are determined as required with a distribution that corresponds to a probability of approximately 95% (2 sigma), no sampling plan or other process was used for this calibration, the results reported herein apply only to the calibration of item described above. All calibrations are performed to manufacturer's specifications, unless otherwise noted. Customer has been contacted concerning re-certification interval and documentation has been received and is on file. This certificate shall not be reproduced without the prior express written consent of Kim Long Calibration And Technologies.

Giấy Chứng Nhận này xác nhận rằng Thiết bị ở trên đã được hiệu chuẩn phù hợp với các yêu cầu của hệ thống hiệu chuẩn ISO/ IEC 17025: 2005 theo các thủ tục tham chiếu. Các Chuẩn được sử dụng để thực hiện hiệu chuẩn này được chứng nhận hoặc truy xuất với VMI/QT3, các hằng số vật lý tự nhiên, tiêu chuẩn thống nhất, hoặc có nguồn gốc do loại tỷ lệ hiệu chuẩn. Độ Không đảm bảo đo mở rộng được xác định theo yêu cầu với sự phân phối tương ứng xác suất khoảng 95% (2 sigma), không có kế hoạch lấy mẫu hoặc quá trình khác đã được sử dụng cho hiệu chuẩn này, kết quả báo cáo trong tài liệu này chỉ áp dụng cho việc hiệu chuẩn thiết bị mô tả ở trên. Tất cả hiệu chuẩn được thực hiện theo thông số kỹ thuật của Nhà sản xuất, trừ khi có ghi chú khác. Khách hàng đã được liên lạc về khoảng thời gian tái chứng nhận (Next due date), tài liệu đã nhận và đã được lưu trong hồ sơ. Giấy Chứng Nhận này không được phép sao chép nếu không có sự đồng ý bằng văn bản rõ ràng trước của Kim Long Calibration And Technologies.



Signature or Stamp:

Calibrated by/Người HC:

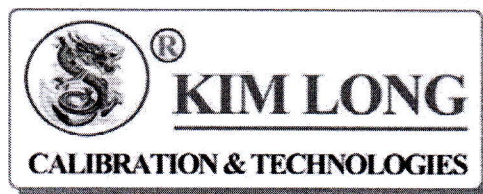
Le Dinh Luat



Signature or Stamp:

Approved by/Phê duyệt:

Tran Minh Cuong



Calibration Report / Biên bản hiệu chuẩn
Report No / Số biên bản :C060520-30549

Manufacturer: ROTRONIC
 Nhà sản xuất:

Model: BL-1D
 Kiểu:

Asset No / Serial No: TB-154 / A18051230
 Mã số quản lý / Số seri:

Results of Calibration / Kết quả hiệu chuẩn

Function Chức năng	Standard Value Giá trị chuẩn	UUT Value Giá trị UUT		Deviation Độ lệch	Result Kết quả	Expanded Uncertainty Độ không đảm bảo đo mở rộng	Tolerance Dung sai	
		As Found Trước hiệu chuẩn	As Left Sau hiệu chuẩn				Min Nhỏ nhất	Max Lớn nhất
Temperature Nhiệt độ	20.0 °C	20.1	20.1	0.1	PASS / ĐẠT	0.5	19.7	20.3
	25.0 °C	25.1	25.1	0.1	PASS / ĐẠT	0.5	24.7	25.3
	30.0 °C	30.2	30.2	0.2	PASS / ĐẠT	0.5	29.7	30.3
Humidity Độ ẩm	40.0 %RH	37.3	37.3	-2.7	PASS / ĐẠT	2.0	37.0	43.0
	60.0 %RH	57.3	57.3	-2.7	PASS / ĐẠT	2.0	57.0	63.0
	80.0 %RH	77.4	77.4	-2.6	PASS / ĐẠT	2.0	77.0	83.0
Pressure Áp suất	1010 hPa	1010	1010	0	PASS / ĐẠT	1	1007	1013

The reported uncertainty of measurement was based on a standard uncertainty multiplied by a coverage factor $k = 2.00$, providing a level of confidence of approximately 95 %

Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95%

Remarks:

- As Found: Value before adjust
- As Left: Value after adjusted
- UUT: Unit Under Test / Thiết bị cần hiệu chuẩn



Certified By Technician:
 Kỹ thuật thực hiện _____
 Le Đình Luật

Quality Inspector:
 QC kiểm duyệt _____
 Cao Cam Giang

